

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1289/2021/DS-ST

Ngày: 18/5/2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. THỦ ĐỨC – TP. HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Phụng
2. Bà Nguyễn Thị Quý

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Đoàn, Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Cao Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 18/5/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức (chi nhánh 3) – địa chỉ : 18 đường số 6, khu phố 5, phường Linh Chiểu, thành phố Thủ Đức ; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 158/TB-TLVA ngày 29/5/2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1301/2021/QĐXXST-DS ngày 01/4/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 2038/2021/QĐST-DS ngày 27/4/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Chu Văn M, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: 2A đường số X, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

2. *Bị đơn:* Ông Trần Đình H, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: 69/43A đường số Y, khu phố Z, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lương Thị Kim S, sinh năm 1979 (xin vắng mặt)

3.2. Ông Huỳnh Tấn B, sinh năm 1978 (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ Y, ấp X, đường L, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại tòa nguyên đơn ông Chu Văn M trình bày:

Ngày 04/8/2019 ông cho ông Trần Đình H vay số tiền 40.000.000 đồng bằng cách chuyển vào tài khoản số 26060739 của ông H. Ngày 12/8/2019 ông cho ông H vay tiếp số tiền 40.000.000 đồng bằng cách chuyển vào tài khoản số 1891000030492 của bà Lương Thị Kim S để bà Sa chuyển lại cho ông H; sau đó ông cho ông H vay thêm số tiền là 24.000.000 đồng (không có giấy tờ, không nhớ ngày tháng cho vay); sau khi vay ông H không thực hiện việc trả nợ như cam kết vì vậy ông khởi kiện yêu cầu ông H trả hết số tiền trên cho ông; tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay ông rút lại một phần yêu cầu khởi kiện

đối với ông H về số tiền 40.000.000 đồng ông cho ông H vay bằng cách chuyển vào tài khoản số 1891000030492 của bà Lương Thị Kim S và số tiền 24.000.000 đồng ông cho ông H vay (không có giấy tờ); ông chỉ đề nghị Tòa án xem xét giải quyết: Buộc ông Trần Đình H phải có trách nhiệm trả cho ông số tiền vay nợ là 40.000.000 đồng vay ngày 04/8/2019 và không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn ông Trần Đình H (vắng mặt không có lời khai)

Người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Tấn B trình bày: Giữa ông và ông Trần Đình H có mối quan hệ làm ăn chung, ông H có thiếu ông 40.000.000 đồng và nhờ người chuyển vào tài khoản của vợ ông tên Lương Thị Kim S, ông không biết ông M là ai; nay ông M khởi kiện ông H đòi lại số tiền 40.000.000 đồng đã gửi vào tài khoản của vợ ông, ông không có ý kiến gì.

Người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Lương Thị Kim S trình bày: Giữa chồng bà và ông Trần Đình H có mối quan hệ làm ăn chung, ông H có thiếu chồng bà 40.000.000 đồng và nhờ người chuyển vào tài khoản của bà vào ngày 12/8/2019, bà không biết ông M là ai; nay ông M khởi kiện ông H đòi lại số tiền 40.000.000 đồng đã gửi vào tài khoản của bà, bà không có ý kiến gì

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay; bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay, ông M chỉ yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông H phải có trách nhiệm trả lại cho ông số tiền 40.000.000 đồng chuyển vào tài khoản số 260607039 ngày 05/8/2019 có mã giao dịch là FT 19217115104008/BNK là phù hợp với các tài liệu chứng cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của ông M. Về số tiền vay ngày 12/8/2019 là 40.000.000 đồng và số tiền vay 24.000.000 đồng (không có giấy tờ, không nhớ ngày tháng cho vay). Tại tòa ông M rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền này, nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết và không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ phiếu xác minh ngày 17/6/2020 của Công an phường H, thành phố Thủ Đức; thì bị đơn ông Trần Đình H, sinh năm 1975 thực tế cư trú tại 69/43A đường số Y, khu phố Z, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; nên thẩm quyền giải quyết vụ án này theo trình tự thủ tục sơ thẩm là Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức; được pháp luật quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo của ông Chu Văn M, thì vụ án có quan hệ tranh chấp là Tranh chấp về hợp đồng dân

sự về hợp đồng vay tài sản được pháp luật quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Bị đơn ông Trần Đình H đã được Tòa án thông báo về việc bị khởi kiện, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý; giấy triệu tập đương sự; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa. Nhưng ông H không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không có lý do, coi như đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Đó đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông H là phù hợp với quy định tại các Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

[1.4]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lương Thị Kim S và ông Huỳnh Tấn B có đơn xin giải quyết vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại các Điều 277, 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu của các đương sự:

[2.1]. Về yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền là 40.000.000 đồng vay ngày 04/8/2019.

Căn cứ vào sổ phụ kiêm giấy báo nợ/có của ông Chu Văn M từ ngày 04/8/2019 đến ngày 31/8/2019 có nội dung: "...Minh ck cho cau H mượn tiền, mã bút toán FT 19217115104008/BNK, số tài khoản 260607039, số tiền 40.000.000 đồng".

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Đình H vắng mặt (không có lý do) cũng không có ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, coi như từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

Điều 93 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về chứng cứ như sau: Chứng cứ trong vụ việc dân sự là những gì có thật được đương sự và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác giao nộp, xuất trình cho Tòa án trong quá trình tố tụng hoặc do Tòa án thu thập được theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định và được Tòa án sử dụng làm căn cứ để xác định các tình tiết khách quan của vụ án cũng như xác định yêu cầu hay sự phản đối của đương sự là có căn cứ và hợp pháp.

Đối chiếu với quy định trên của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định, đánh giá, khách quan, toàn diện, về chứng cứ mà ông M cung cấp cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cụ thể là sổ phụ kiêm giấy báo nợ/có của ông Chu Văn M từ ngày 04/8/2019 đến ngày 31/8/2019 và ảnh chụp màn hình điện thoại thể hiện giao dịch thành công là hợp pháp; tài liệu, chứng cứ do ông M cung cấp để làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án là có thật. Do đó, căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; thì việc ông M khởi kiện yêu cầu ông H trả lại số tiền 40.000.000 đồng vay ngày 04/8/2019 là có căn cứ.

[2.2]. Về số tiền vay ngày 12/8/2019 là 40.000.000 đồng chuyển vào tài khoản của bà Lương Thị Kim S. Tại tòa ông M rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền này, nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết và không xem xét.

[2.3]. Về số tiền vay 24.000.000 đồng (không có giấy tờ, không nhớ ngày tháng cho vay). Tại tòa ông M rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền này, nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết và không xem xét.

[2.4]. Từ những nhận định và phân tích nêu trên, căn cứ Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì việc ông Chu Văn M khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Trần Đình H phải có trách nhiệm trả cho ông số tiền 40.000.000 đồng vay ngày 05/8/2019 là có căn cứ được chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: 2.000.000 đồng; ông Trần Đình H phải chịu

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 93, khoản 1 Điều 147, Điều 161, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Chu Văn M tại phiên tòa sơ thẩm cụ thể:

- Buộc ông Trần Đình H phải có trách nhiệm trả cho ông Chu Văn M số tiền vay là 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Chu Văn M đối với ông Trần Đình H về việc yêu cầu ông H trả nợ số tiền vay nợ là 40.000.000 đồng vay ngày 12/8/2019 và số tiền vay 24.000.000 đồng (không có giấy tờ, không nhớ ngày cho vay); tổng cộng số tiền là 64.000.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 2.000.000 đồng (hai triệu) đồng ông Trần Đình H phải chịu; hoàn trả lại cho ông Chu Văn M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.875.000 (hai triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0057132 ngày 29/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức (cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

4. Quyền yêu cầu Thi hành án: “Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức;
- CC Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Công Tình